



ỦY BAN AN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Đính kèm quyết định số: 495/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
A	B	C	D	E	F	3	4=5	5=6	6=7+8	7	8=9+10	9	10	11
		TỔNG CỘNG				-	-	-	-	-	-	-	-	
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098	(25.671.338)	(25.671.338)	(25.671.338)	(25.671.338)	(27.546.938)	1.875.600	1.042.000	833.600	
		CỘNG				25.671.338	25.671.338	25.671.338	25.671.338	27.546.938	(1.875.600)	(1.042.000)	(833.600)	-
2	1042363	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	422	070	071	13.469	13.469	13.469	13.469	13.469	-	-	-	
3	1006377	Trường Mầm non Thành phố	422	070	071	15.914	15.914	15.914	15.914	15.914	-	-	-	
4	1032812	Trường Mầm non Nam Sài Gòn	422	070	071	13.396	13.396	13.396	13.396	13.396	-	-	-	
5	1042683	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	422	070	072	10.541	10.541	10.541	10.541	10.541	-	-	-	
6	1015952	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Bình Chánh	422	070	072	22.230	22.230	22.230	22.230	22.230	-	-	-	
7	1086114	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	422	070	072	11.651	11.651	11.651	11.651	11.651	-	-	-	
8	1006376	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075	14.425	14.425	14.425	14.425	14.425	-	-	-	
9	1052360	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075	83.220	83.220	83.220	83.220	83.220	-	-	-	
10	1076866	Trung tâm GD KTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075	86.063	86.063	86.063	86.063	86.063	-	-	-	
11	1035658	Trung tâm GDTX Gia Định	422	070	075	28.642	28.642	28.642	28.642	28.642	-	-	-	
12	1072912	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074	148.964	148.964	148.964	148.964	148.964	-	-	-	
13	1061105	Trường THPT Trưng Vương	422	070	074	213.150	213.150	213.150	213.150	213.150	-	-	-	
14	1060634	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074	170.474	170.474	170.474	170.474	170.474	-	-	-	
15	1133410	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074	130.933	130.933	130.933	130.933	130.933	-	-	-	
16	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074	120.461	120.461	120.461	120.461	120.461	-	-	-	
17	1086001	Trường THPT Lương Thế Vinh	422	070	074	144.942	144.942	144.942	144.942	144.942	-	-	-	
18	1069843	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074	170.937	170.937	170.937	170.937	170.937	-	-	-	
19	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074	183.435	183.435	183.435	183.435	183.435	-	-	-	

1

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>3</i>	<i>4=5</i>	<i>5=6</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
78	1014981	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074	177.536	177.536	177.536	177.536	177.536	-	-	-	
79	1046744	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	422	070	074	146.051	146.051	146.051	146.051	146.051	-	-	-	
80	1037384	Trường THPT Hiệp Bình	422	070	074	168.777	168.777	168.777	168.777	168.777	-	-	-	
81	1118192	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074	209.489	209.489	209.489	209.489	209.489	-	-	-	
82	1127196	Trường THPT Linh Trung	422	070	074	253.521	253.521	253.521	253.521	253.521	-	-	-	
83	1046743	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074	173.138	173.138	173.138	173.138	173.138	-	-	-	
84	1073929	Trường THPT Củ Chi	422	070	074	184.851	184.851	184.851	184.851	184.851	-	-	-	
85	1042554	Trường THPT Quang Trung	422	070	074	127.535	127.535	127.535	127.535	127.535	-	-	-	
86	1042734	Trường THPT Trung Phú	422	070	074	142.930	142.930	142.930	142.930	142.930	-	-	-	
87	1037222	Trường THPT Trung Lập	422	070	074	111.321	111.321	111.321	111.321	111.321	-	-	-	
88	1038764	Trường THPT Phú Hòa	422	070	074	149.198	149.198	149.198	149.198	149.198	-	-	-	
89	1038540	Trường THPT Tân Thông Hội	422	070	074	161.681	161.681	161.681	161.681	161.681	-	-	-	
90	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074	122.888	122.888	122.888	122.888	122.888	-	-	-	
91	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074	134.678	134.678	134.678	134.678	134.678	-	-	-	
92	1046615	Trường THPT Bà Diễm	422	070	074	144.248	144.248	144.248	144.248	144.248	-	-	-	
93	1076003	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	422	070	074	126.841	126.841	126.841	126.841	126.841	-	-	-	
94	1043921	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074	126.841	126.841	126.841	126.841	126.841	-	-	-	
95	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074	148.340	148.340	148.340	148.340	148.340	-	-	-	
96	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074	175.136	175.136	175.136	175.136	175.136	-	-	-	
97	1086051	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074	189.684	189.684	189.684	189.684	189.684	-	-	-	
98	1110106	Trường THPT Bình Tân	422	070	074	167.271	167.271	167.271	167.271	167.271	-	-	-	
99	1110153	Trường THPT Bình Hưng Hòa	422	070	074	158.118	158.118	158.118	158.118	158.118	-	-	-	
100	1105299	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	422	070	074	166.640	166.640	166.640	166.640	166.640	-	-	-	
101	1058492	Trường THPT Bình Chánh	422	070	074	179.219	179.219	179.219	179.219	179.219	-	-	-	
102	1061104	Trường THPT Đa Phước	422	070	074	117.438	117.438	117.438	117.438	117.438	-	-	-	
103	1039986	Trường THPT Lê Minh Xuân	422	070	074	151.322	151.322	151.322	151.322	151.322	-	-	-	
104	1118191	Trường THPT Tân Túc	422	070	074	167.045	167.045	167.045	167.045	167.045	-	-	-	
105	1120603	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074	174.607	174.607	174.607	174.607	174.607	-	-	-	
106	1125803	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Bình Chánh	422	070	074	111.540	111.540	111.540	111.540	111.540	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>3</i>	<i>4=5</i>	<i>5=6</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
107	1050023	Trường THPT Long Thới	422	070	074	111.920	111.920	111.920	111.920	111.920	-	-	-	
108	1104505	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074	157.577	157.577	157.577	157.577	157.577	-	-	-	
109	1120604	Trường THPT Dương Văn Dương	422	070	074	165.699	165.699	165.699	165.699	165.699	-	-	-	
110	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074	63.663	63.663	63.663	63.663	63.663	-	-	-	
111	1035432	Trường THPT Cần Thạnh	422	070	074	66.721	66.721	66.721	66.721	66.721	-	-	-	
112	1104035	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074	62.415	62.415	62.415	62.415	62.415	-	-	-	
113	1127428	Trường THCS - THPT Thạnh An	422	070	074	23.232	23.232	23.232	23.232	23.232	-	-	-	
114	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074	131.488	131.488	131.488	131.488	131.488	-	-	-	
115	1129141	Trường THPT Dương Văn Thi	422	070	074	128.852	128.852	128.852	128.852	128.852	-	-	-	
116	1129109	Trường THPT Phong Phú	422	070	074	128.554	128.554	128.554	128.554	128.554	-	-	-	
117	1129198	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074	165.305	165.305	165.305	165.305	165.305	-	-	-	
118	1035599	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	422	070	074	54.856	54.856	54.856	54.856	54.856	-	-	-	
119	1154372	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	422	070	074	100.877	100.877	100.877	100.877	100.877	-	-	-	
120	1080927	Trường THPT Nam Sài Gòn	422	070	074	314.298	314.298	314.298	314.298	314.298	-	-	-	
121	1129237	Trung tâm GDTX và BDNV Bình Dương	422	070	075	191.772	191.772	191.772	191.772	191.772	-	-	-	
122	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074	142.653	142.653	142.653	142.653	142.653	-	-	-	
123	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074	71.708	71.708	71.708	71.708	71.708	-	-	-	
124	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074	110.336	110.336	110.336	110.336	110.336	-	-	-	
125	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074	146.400	146.400	146.400	146.400	146.400	-	-	-	
126	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074	140.295	140.295	140.295	140.295	140.295	-	-	-	
127	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	-	-	-	
128	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074	112.070	112.070	112.070	112.070	112.070	-	-	-	
129	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074	124.622	124.622	124.622	124.622	124.622	-	-	-	
130	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074	115.745	115.745	115.745	115.745	115.745	-	-	-	
131	1085127	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074	115.815	115.815	115.815	115.815	115.815	-	-	-	
132	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074	146.953	146.953	146.953	146.953	146.953	-	-	-	
133	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074	111.099	111.099	111.099	111.099	111.099	-	-	-	
134	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074	113.318	113.318	113.318	113.318	113.318	-	-	-	
135	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074	95.703	95.703	95.703	95.703	95.703	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>3</i>	<i>4=5</i>	<i>5=6</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
165	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	108.927	108.927	108.927	108.927	108.927	-	-	-	
166	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074	92.181	92.181	92.181	92.181	92.181	-	-	-	
167	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422	070	074	83.081	83.081	83.081	83.081	83.081	-	-	-	
168	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074	93.553	93.553	93.553	93.553	93.553	-	-	-	
169	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074	78.782	78.782	78.782	78.782	78.782	-	-	-	
170	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074	190.411	190.411	190.411	190.411	190.411	-	-	-	
171	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	78.712	78.712	78.712	78.712	78.712	-	-	-	
172	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	73.164	73.164	73.164	73.164	73.164	-	-	-	
173	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	70.876	70.876	70.876	70.876	70.876	-	-	-	
174	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	80.793	80.793	80.793	80.793	80.793	-	-	-	
175	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	75.175	75.175	75.175	75.175	75.175	-	-	-	
176	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	125.870	125.870	125.870	125.870	125.870	-	-	-	
177	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074	127.257	127.257	127.257	127.257	127.257	-	-	-	
178	1104499	Trường THPT Bung Riềng	422	070	074	72.332	72.332	72.332	72.332	72.332	-	-	-	
179	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074	78.019	78.019	78.019	78.019	78.019	-	-	-	
180	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074	77.533	77.533	77.533	77.533	77.533	-	-	-	
181	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074	69.350	69.350	69.350	69.350	69.350	-	-	-	
182	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074	74.759	74.759	74.759	74.759	74.759	-	-	-	
183	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075	47.158	47.158	47.158	47.158	47.158	-	-	-	
184	1021428	Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	075	57.630	57.630	57.630	57.630	57.630	-	-	-	
185	1007326	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	070	075	38.975	38.975	38.975	38.975	38.975	-	-	-	
186	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075	41.207	41.207	41.207	41.207	41.207	-	-	-	
187	1002758	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Châu Đức	422	070	075	47.158	47.158	47.158	47.158	47.158	-	-	-	
188	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075	43.136	43.136	43.136	43.136	43.136	-	-	-	
189	1052920	Trường THPT Võ Thị Sáu- Côn Đảo	422	070	074	31.485	31.485	31.485	31.485	31.485	-	-	-	
190	1048040	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật huyện Cù Chi	422	070	072	(84.123)	(84.123)	(84.123)	(84.123)	14.877	(99.000)	(55.000)	(44.000)	
191	1042040	Trường Chuyên biệt Ánh Dương Quận 12	422	070	072	(195.756)	(195.756)	(195.756)	(195.756)	16.644	(212.400)	(118.000)	(94.400)	
192	1086283	Trường Chuyên biệt Bình Minh	422	070	072	(194.443)	(194.443)	(194.443)	(194.443)	15.257	(209.700)	(116.500)	(93.200)	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>3</i>	<i>4=5</i>	<i>5=6</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
193	1038803	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072	(121.897)	(121.897)	(121.897)	(121.897)	10.403	(132.300)	(73.500)	(58.800)	
194	1035856	Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin	422	070	072	(61.684)	(61.684)	(61.684)	(61.684)	6.716	(68.400)	(38.000)	(30.400)	
195	1052097	Trường Giáo dục Chuyên biệt Tương Lai	422	070	072	(139.145)	(139.145)	(139.145)	(139.145)	4.855	(144.000)	(80.000)	(64.000)	
196	1035858	Trường Tương Lai Quận 3	422	070	072	(36.341)	(36.341)	(36.341)	(36.341)	3.259	(39.600)	(22.000)	(17.600)	
197	1080459	Trường Chuyên biệt Tương Lai Quận 5	422	070	072	(124.459)	(124.459)	(124.459)	(124.459)	10.541	(135.000)	(75.000)	(60.000)	
198	1086031	Trường Chuyên biệt Quận 10	422	070	072	(71.981)	(71.981)	(71.981)	(71.981)	10.819	(82.800)	(46.000)	(36.800)	
199	1066368	Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5	422	070	072	(103.281)	(103.281)	(103.281)	(103.281)	6.519	(109.800)	(61.000)	(48.800)	
200	1007515	Trường Hy Vọng Quận 6	422	070	072	(50.310)	(50.310)	(50.310)	(50.310)	11.790	(62.100)	(34.500)	(27.600)	
201	1120923	Trường Chuyên biệt Bình Tân	422	070	072	(109.899)	(109.899)	(109.899)	(109.899)	19.701	(129.600)	(72.000)	(57.600)	
202	1126933	Trường Chuyên biệt 1 tháng 6	422	070	072	(73.507)	(73.507)	(73.507)	(73.507)	9.293	(82.800)	(46.000)	(36.800)	
203	1072246	Trường Hy Vọng Quận 8	422	070	072	(48.378)	(48.378)	(48.378)	(48.378)	8.322	(56.700)	(31.500)	(25.200)	
204	1079157	Trường Giáo dục Chuyên biệt Thảo Điền	422	070	072	(124.391)	(124.391)	(124.391)	(124.391)	9.709	(134.100)	(74.500)	(59.600)	
205	1086748	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	422	070	072	(172.589)	(172.589)	(172.589)	(172.589)	4.711	(177.300)	(98.500)	(78.800)	
206	1127990	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Củ Chi	422	070	075	130.644	130.644	130.644	130.644	130.644	-	-	-	
207	1128388	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hóc Môn	422	070	075	83.107	83.107	83.107	83.107	83.107	-	-	-	
208	1127135	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	422	070	075	362.354	362.354	362.354	362.354	362.354	-	-	-	
209	1130465	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	422	070	075	55.951	55.951	55.951	55.951	55.951	-	-	-	
210	1126539	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	422	070	075	62.871	62.871	62.871	62.871	62.871	-	-	-	
211	1126618	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Phú	422	070	075	103.328	103.328	103.328	103.328	103.328	-	-	-	
212	1127053	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Gò Vấp	422	070	075	67.686	67.686	67.686	67.686	67.686	-	-	-	
213	1127159	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	422	070	075	42.924	42.924	42.924	42.924	42.924	-	-	-	
214	1126763	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	422	070	075	28.521	28.521	28.521	28.521	28.521	-	-	-	
215	1128185	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Thạnh	422	070	075	27.970	27.970	27.970	27.970	27.970	-	-	-	
216	1128567	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 5	422	070	075	12.552	12.552	12.552	12.552	12.552	-	-	-	
217	1126867	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	422	070	075	86.534	86.534	86.534	86.534	86.534	-	-	-	
218	1126947	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	422	070	075	146.918	146.918	146.918	146.918	146.918	-	-	-	
219	1126076	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	422	070	075	42.460	42.460	42.460	42.460	42.460	-	-	-	
220	1125713	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	422	070	075	62.955	62.955	62.955	62.955	62.955	-	-	-	
221	1125664	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	422	070	075	61.397	61.397	61.397	61.397	61.397	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>3</i>	<i>4=5</i>	<i>5=6</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
222	1127767	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	422	070	075	124.137	124.137	124.137	124.137	124.137	-	-	-	
223	1126761	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 8	422	070	075	43.691	43.691	43.691	43.691	43.691	-	-	-	
224	1131149	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thủ Đức	422	070	075	161.943	161.943	161.943	161.943	161.943	-	-	-	
225	1126891	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh	422	070	075	146.619	146.619	146.619	146.619	146.619	-	-	-	
226	1127104	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cần Giờ	422	070	075	28.014	28.014	28.014	28.014	28.014	-	-	-	
227	1126586	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhà Bè	422	070	075	24.674	24.674	24.674	24.674	24.674	-	-	-	
228	1126654	Trung Tâm GDNN - GDTX Thuận An	422	070	075	97.240	97.240	97.240	97.240	97.240	-	-	-	
229	1126714	Trung Tâm GDNN - GDTX Dĩ An	422	070	075	101.729	101.729	101.729	101.729	101.729	-	-	-	
230	1126687	Trung Tâm GDNN - GDTX Tân Uyên	422	070	075	87.866	87.866	87.866	87.866	87.866	-	-	-	
231	1126673	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075	78.767	78.767	78.767	78.767	78.767	-	-	-	
232	1133676	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075	57.524	57.524	57.524	57.524	57.524	-	-	-	
233	1126616	Trung Tâm GDNN - GDTX Phú Giáo	422	070	075	55.959	55.959	55.959	55.959	55.959	-	-	-	
234	1126614	Trung Tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng	422	070	075	65.536	65.536	65.536	65.536	65.536	-	-	-	
235	1052356	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	422	070	092	85.980	85.980	85.980	85.980	85.980	-	-	-	
236	1038348	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	422	070	092	134.094	134.094	134.094	134.094	134.094	-	-	-	
237	1117015	Trường Trung cấp Bách Nghệ TP.Hồ Chí Minh	422	070	092	135.379	135.379	135.379	135.379	135.379	-	-	-	
238	1135937	Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	422	070	092	45.107	45.107	45.107	45.107	45.107	-	-	-	
239	1135938	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092	39.898	39.898	39.898	39.898	39.898	-	-	-	
240	1115619	Trường Trung cấp Mỹ Thuật - Văn hóa Bình Dương	422	070	092	8.088	8.088	8.088	8.088	8.088	-	-	-	
241	1086531	Trường Trung cấp nghề Củ Chi	422	070	092	47.852	47.852	47.852	47.852	47.852	-	-	-	
242	1048774	Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo	422	070	092	21.604	21.604	21.604	21.604	21.604	-	-	-	
243	1006456	Trường Trung cấp nghề Bình Thạnh	422	070	092	16.713	16.713	16.713	16.713	16.713	-	-	-	
244	1038327	Trường Trung cấp nghề Quang Trung	422	070	092	91.596	91.596	91.596	91.596	91.596	-	-	-	
245	1019468	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương	422	070	092	102.760	102.760	102.760	102.760	102.760	-	-	-	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE HỌC SINH	CẤP BÙ TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ			GHI CHÚ
											TỔNG CỘNG	HỌC KỲ 2 NH 2025- 2026	HỌC KỲ 1 NH 2026- 2027	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>3</i>	<i>4=5</i>	<i>5=6</i>	<i>6=7+8</i>	<i>7</i>	<i>8=9+10</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
246	1044863	Trường Trung Cấp Đồng Sài Gòn	422	070	092	40.099	40.099	40.099	40.099	40.099	-	-	-	
247	1120299	Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa	422	070	092	35.632	35.632	35.632	35.632	35.632	-	-	-	
248	1172467	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	422	070	075	45.494	45.494	45.494	45.494	45.494	-	-	-	
249	1172487	Trường THPT Hà Huy Tập	422	070	075	48.545	48.545	48.545	48.545	48.545	-	-	-	
250	1173224	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	422	070	075	50.212	50.212	50.212	50.212	50.212	-	-	-	
251	1173225	Trường THPT Phan Văn Hớn	422	070	075	67.460	67.460	67.460	67.460	67.460	-	-	-	
252	1172433	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lê Thị Riêng	422	070	075	53.746	53.746	53.746	53.746	53.746	-	-	-	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH